

Bản án số: 42/2019/HS-PT

Ngày: 21-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/HSPT ngày 17 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Tuấn B.

Do có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Tuấn B, sinh năm 1997 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Thôn 2B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự (Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 479/2106/QĐHC-ST ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh đã xử lý bị cáo B về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời gian cai nghiện bắt buộc là 12 tháng, tính từ ngày 16/4/2016. Đến ngày 16/4/2017 bị cáo B đã chấp hành xong thời gian cai nghiện tại Trung tâm giáo dục lao động B trợ xã hội Phú Văn tại huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận số 164/GCN-GD ngày 10/3/2017); bị tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo B đang được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại Nguyễn Ngọc Phương T (Đã chết)

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại T:
Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967 (Mẹ ruột) (Có mặt).
Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1961 (Cha ruột) (Có mặt).
Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
Bà Nguyễn Thị D ủy quyền cho bà Vương Thị Minh C, sinh năm 1954,
trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Vũ Thanh S, sinh năm 1998 (Có mặt).

2. Anh Lê Xuân T, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

3. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

4. Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Trú tại: Khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

Ngoài ra còn có người đại diện hợp pháp của bị hại bà Huỳnh Thị Ngọc L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không xem xét nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 26/5/2017 sau khi dự tổ chức sinh nhật tại nhà của Phạm Tuấn B ở Thôn 2B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thì Phạm Tuấn B rủ chị Đoàn Thị Kim T, chị Nguyễn Ngọc Phương T, anh Nguyễn Vũ Thanh S, anh Lê Xuân T và anh Nguyễn Thanh S đi ra xã Đ để hát karaoke và tất cả đều đồng ý.

Lúc đó anh Lê Xuân T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, biển số 93H1- 029.88 chở anh Nguyễn Vũ Thanh S và anh Nguyễn Thanh S, còn Phạm Tuấn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, dung tích xi lanh 134, biển số 93E1- 060.39 chở chị Đoàn Thị Kim T, chị Nguyễn Ngọc Phương T cùng nhau đi trên đường nhựa liên xã theo hướng đi từ xã B đến xã Đ trong đó xe mô tô do anh T điều khiển chạy phía trước, còn xe mô tô B điều khiển chạy phía sau xe mô tô của anh T. Khi cả hai xe mô tô đi đến đoạn đường thuộc thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thì gặp xe ô tô tải biển số 93C- 056.32 do anh Phạm Ngọc T điều khiển chạy ngược chiều đang bật đèn chiếu sáng ban đêm thì Phạm Tuấn B bị đèn xe ô tô tải làm chói mắt hạn chế tầm nhìn, tuy nhiên Phạm Tuấn B vẫn không giảm tốc độ cho xe đi

chậm lại hoặc dừng xe lại để đảm bảo an toàn giao thông mà B vẫn tiếp tục chạy xe mô tô với tốc độ từ khoảng 70 đến 80 km/h đi sát phía sau xe mô tô của anh T cách xe anh T chỉ khoảng 05 mét. Lúc này xe mô tô của anh T bị sa xuống 01 cái hố trên mặt đường phía trước có kích thước 3,6 mét x 3,35 mét (còn gọi là “ổ gà”) làm đổ xe và anh T, anh Nguyễn Vũ Thanh S, anh Nguyễn Thanh S cùng ngã ra đường. Khi đó xe mô tô của B chạy phía sau do không quan sát mặt đường, không làm chủ được tốc độ và không điều khiển được tay lái tránh “ổ gà” nên xe mô tô của B cũng bị sa xuống “ổ gà” này đổ xe làm Phạm Tuấn B, chị Đoàn Thị Kim T, chị Nguyễn Ngọc Phương T cùng bị ngã văng ra khỏi xe đập người xuống đường nhựa và chị T, chị T cùng bị chết ngay tại chỗ, còn B bị thương tích.

Theo Kết luận giám định số 205/2017/GDPY ngày 30/5/ 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước đã kết luận Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm 1998 và Đoàn Thị Kim T, sinh năm 1994 bị ngoại lực tác động gây đa chấn thương gãy xương, chấn thương ngực - bụng kín, dập rách phổi, dập vỡ gan dẫn đến tử vong.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn B phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào các điểm a, đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH 13; Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH 13; Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn B 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Tách việc giải quyết bồi thường dân sự về thiệt hại tính mạng của bị hại Nguyễn Ngọc Phương T giữa bị cáo Phạm Tuấn B và ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị D – Những người đại diện hợp pháp của bị hại T ra khỏi vụ án hình

sự này để giải quyết về một vụ án dân sự khác khi ông P, bà D có yêu cầu khởi kiện bị cáo B theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2019, bị cáo Phạm Tuấn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/02/2019, Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ Bản án.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm xác định và giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D thống nhất trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét nhưng không mời bà D đến tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Theo giấy triệu tập phiên tòa số 02/GTT ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B thì bà Nguyễn Thị D là người đại diện hợp pháp của bị hại T được triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm diễn ra vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 17/01/2019. Tuy nhiên, đến 15 giờ cùng ngày bà D mới nhận được giấy triệu tập. Do đó, bà D không tham gia phiên tòa vì lý do khách quan. Đây là phiên tòa sơ thẩm lần đầu, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, lẽ ra Tòa án cần phải hoãn phiên tòa để triệu tập đại diện bị hại tham gia phiên tòa. Đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi người tham gia tố tụng. Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra thấy rằng: Việc xác định nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn và lỗi của bị cáo là chưa rõ ràng bởi lẽ: Việc bị cáo B không có giấy phép lái xe và chở quá số người theo quy định là vi phạm hành chính chứ không phải là nguyên nhân gây ra tai nạn; Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định: Bị cáo B không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để xe sa ổ gà gây tai nạn là chưa có cơ sở vững chắc vì: Chưa xác định khi gây tai nạn, bị cáo điều khiển xe chạy tốc độ bao nhiêu km/h; theo quy định đoạn đường đó được phép chạy bao nhiêu km/h; Chưa xác định thời điểm liên trước khi gây ra tai nạn xe của bị cáo B chạy cách xe của T khoảng cách là bao nhiêu? Để khi xe của T sa ổ gà té thì bị cáo B có kịp thời gian để xử lý không; Chưa xác định khoảng cách từ khi bị cáo B bị xe mô tô ngược chiều chiếu sáng đến khi bị sa ổ gà gây tai nạn là bao nhiêu? Đây có phải là yếu tố khách quan làm cho bị cáo B lóa mắt không phát hiện ổ gà trên đường để tránh hay do bị cáo chủ quan để sa ổ

gà gây tai nạn. Vì các nội dung trên Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị D, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm 01/2019/HS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước để điều tra và xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố, giải quyết vụ án, các cơ quan Tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng hình sự:

Đối với kết quả điều tra: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát đã tiến hành nhiều biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, tuy nhiên xét lời khai của bị cáo và lời khai của những người làm chứng có nhiều điểm còn mâu thuẫn và chưa đủ căn cứ kết luận. Cụ thể:

[1]. Lời khai của bị cáo Phạm Tuấn B thì trước khi xảy ra tai nạn bị cáo điều khiển xe chạy giữa đường với tốc độ khoảng 70, 80km/giờ; khi nhìn thấy xe ô tô tải biển kiểm soát 93C.056.32 do Phạm Ngọc T điều khiển chạy ngược chiều và bật đèn chiếu sáng làm hạn chế tầm nhìn nên B cho xe chuyển hướng dần vào bên phải đường và giảm tốc độ xuống còn khoảng 50, 60 km/h. Lời khai của người làm chứng Lê Xuân T, Nguyễn Vũ Thanh S, Nguyễn Thanh S trùng khớp với lời khai của bị cáo B. Riêng anh Phạm Ngọc T khai trước khi xảy ra tai nạn bị cáo điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 50km/giờ, anh có nhìn thấy những người trên xe mô tô do B điều khiển có đùa giỡn. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát cũng chưa làm rõ quy định về tốc độ cho phép và khoảng cách an toàn của xe theo quy định trên tuyến đường xảy ra tai nạn để từ đó có căn cứ đánh giá xem bị cáo B điều khiển xe chạy có quá tốc độ cho phép hay không trước khi xảy ra tai nạn. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát cũng chưa tiến hành cho đối chất để làm rõ tốc độ xe mô tô do B điều khiển trước và sau khi bị cáo B phát hiện có xe tải đi ngược chiều; về vị trí xe mô tô chạy và khoảng cách giữa xe mô tô và xe ô tô của anh T khi bắt đầu nhìn thấy xe ô tô tải ngược chiều là bao nhiêu; thời điểm này cách ổ gà là bao xa và B có giảm tốc độ hay không, nếu có giảm tốc độ thì giảm xuống bao nhiêu... Những vấn đề còn thiếu sót vừa nêu chưa được Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm làm rõ mà kết luận bị cáo B không giảm tốc độ khi gặp chướng ngại vật phía trước là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[2]. Bản án sơ thẩm xác định, khi nhìn thấy xe ô tô tải biển kiểm soát 93C.056.32 do anh T điều khiển chạy ngược chiều và bật đèn chiếu sáng làm hạn chế tầm nhìn nhưng bị cáo B “*vẫn không giảm tốc độ cho xe đi chậm lại hoặc dừng lại xe để đảm B an toàn giao thông mà B vẫn tiếp tục chạy xe mô tô với tốc độ từ khoảng 70 đến 80km/h đi sát phía sau xe anh T...*” (BL272) và “*không điều khiển được tay lái..*” là đánh giá chưa đúng với những tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì người làm chứng Nguyễn Vũ Thanh S, Phạm Ngọc T khai tại hồ sơ và tại phiên tòa khi thấy xe ô tô tải 93C.056.32 chạy ngược chiều thì xe mô tô B điều khiển chạy với tốc độ vừa phải khoảng 40 đến 50km/giờ.

[3]. Về chứng cứ để chứng minh “*Nguyên nhân và điều kiện phạm tội*”, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định có 03 nguyên nhân:

Thứ nhất, là “do ánh đèn chiếu sáng của xe ô tô tải biển kiểm soát 93C.056.32 chiếu vào mắt làm cho B bị hạn chế tầm nhìn, không quan sát thấy mặt đường và không quan sát thấy các phương tiện đi cùng chiều...”

Thứ hai, là do lao vào ổ gà không rõ hình có kích thước 3,6mx3,35m cách mép đường 1,5m.

Thứ ba, là do bị cáo điều khiển xe không làm chủ tốc độ để lao vào ổ gà.

Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm rõ đầy đủ đặc điểm của ổ gà (*chưa thể hiện chiều sâu của ổ gà*), biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh chưa thể hiện rõ độ sâu của ổ gà, chưa tiến hành thực nghiệm điều tra mà kết luận tai nạn xảy ra là do nguyên nhân chủ quan của bị cáo B là chưa đủ căn cứ thuyết phục. Do đó, cần phải điều tra thêm và xác định rõ nguyên nhân nào là chủ quan, nguyên nhân nào là khách quan và những điều kiện khác tác động như thời tiết trời mưa, bị ảnh hưởng của đèn pha xe ô tô tải ngược chiều, mức độ nguy hiểm của ổ gà.v.v. dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Về chứng cứ để chứng minh bị cáo “có lỗi hay không có lỗi”, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định bị cáo B có nhiều lỗi sau:

Thứ nhất, bị cáo B không có giấy phép lái xe theo quy định.

Thứ hai, bị cáo B điều khiển xe khi đã sử dụng rượu bia.

Thứ ba, bị cáo B điều khiển xe chở quá số người quy định.

Thứ tư, bị cáo B không làm chủ tốc độ để lao vào ổ gà.

Tuy nhiên, riêng việc xác định bị cáo B có chạy quá tốc độ hay không và có làm chủ tốc độ hay không thì chưa được Cơ quan tiến hành tố tụng làm rõ đầy đủ. Việc B sử dụng rượu bia là có thật nhưng không xác định được B có sử

dụng nồng độ cồn vượt mức cho phép hay không. Nếu sau khi đã xác định đầy đủ các hành vi có lỗi của bị cáo, cơ quan tiến hành tố tụng cần phải đánh giá khách quan, dựa trên các chứng cứ thu thập được để xác định lỗi nào là cố ý trực tiếp, cố ý gián tiếp hoặc lỗi vô ý do quá tự tin hay lỗi vô ý vì cẩu thả. Và cuối cùng lỗi nào là lỗi chính, trực tiếp gây nên tai nạn (*mối quan hệ nhân quả trực tiếp*) để từ đó xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B.

[5]. Với những thiếu sót về chứng cứ trong quá trình điều tra như phân tích nêu trên, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa không ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để có cơ sở đánh giá đúng hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo điểm a khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xét xử bị cáo với tình tiết tăng nặng là *“phạm tội đối với phụ nữ có thai”* là không đúng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm i khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng pháp luật được quy định tại mục 2.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/6/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Cụ thể là *“Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội đối với phụ nữ có thai”* đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, bị cáo bị xét xử về tội với lỗi vô ý nên không được áp dụng tình tiết này.

Về kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại- bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[7]. Tòa án nhân dân huyện B Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 03/01/2019 đối với bị cáo Phạm Tuấn B, ấn định thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 17/01/2019, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà D; còn về Giấy triệu tập tham gia phiên tòa có biên bản giao nhận cho bà D nhưng bà D nhận được vào lúc 15 giờ ngày 17/01/2019, tức sau khi kết thúc phiên tòa. Ngoài ra trong hồ sơ cũng không thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T, anh Dương Trọng L, anh Phạm Văn S và những người làm chứng là anh Nguyễn Viết P, anh Lê Xuân T, anh Lê Xuân S, anh Nguyễn Thanh S, anh Phạm Ngọc T, ông Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị Phương O, anh Võ Phi L, anh Nguyễn Tấn L. Việc không tổng đạt cho người tham gia tố tụng theo đúng quy định pháp luật là vi phạm thủ tục tố tụng hình sự. Cụ thể, theo quy định tại Điều 286 Bộ luật tố tụng hình sự thì *“Quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho bị cáo hoặc người đại diện của họ; gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa”*

[8]. Về tách vấn đề dân sự ra khỏi vụ án hình sự để giải quyết riêng:

Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự có quy định, trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì vấn đề dân sự có thể tách ra. Điều 252 Bộ luật Tố tụng hình sự có quy định rõ về trách nhiệm của Tòa án trong việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, theo đó ngoài việc Tòa án tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì Tòa án còn phải chủ động yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ nếu thấy còn thiếu. Bà Nguyễn Thị D là người đại diện hợp pháp của bị hại trong quá trình điều tra bà có yêu cầu bị cáo B bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Lẽ ra trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án cấp sơ thẩm phải làm hết trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật như lấy lời khai, thông báo, hướng dẫn, cho các bên thỏa thuận.v.v.. Và nếu xét thấy có đủ cơ sở bà D chưa có điều kiện chứng minh về vấn đề mà mình yêu cầu bồi thường thiệt hại thì Tòa án mới được tách ra vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã làm hết trách nhiệm của mình trong việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ về vấn đề yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D, hơn nữa bà D không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm mà Tòa án tách việc dân sự ra khỏi vụ án hình sự để giải quyết riêng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện người bị hại.

[9]. Do Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục, việc xét xử có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; do đó cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra và xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là người đại diện hợp pháp của bị hại được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên kháng cáo của bị cáo B chưa xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1, điểm b và điểm d khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Chưa xem xét kháng cáo của bị cáo Phạm Tuấn B.

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Nguyễn Thị D.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước để điều tra và xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và vấn đề bồi thường thiệt hại được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện B; (2)
- Chi cục THADS huyện B; (1)
- Công an huyện B; (1)
- Bị cáo; (1)
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo